

Số: 1170/HD-STP

An Giang, ngày 26 tháng 7 năm 2024

HƯỚNG DẪN

Nội dung tiêu chí 16 “tiếp cận pháp luật” thuộc bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025

A. Căn cứ pháp lý

- Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

- Thông tư số 09/2021/TT-BTP ngày 15/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

- Quyết định số 1143/QĐ-BTP ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về ban hành hướng dẫn nội dung tiêu chí, chỉ tiêu “tiếp cận pháp luật” trong đánh giá nông thôn mới và đô thị văn minh.

B. Nội dung

I. Việc đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật được thực hiện hàng năm theo Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và Thông tư số 09/2021/TT-BTP. **Đối với xã đạt tiêu chí 16 “Tiếp cận pháp luật”** thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ, sửa đổi, bổ sung tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 211/QĐ-TTg ngày 01/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ **khi đáp ứng các tiêu chuẩn sau đây:**

TT	Nội dung chỉ tiêu	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Tài liệu đánh giá
1	Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật và mô hình điển hình về hòa giải ở cơ sở		

TT	Nội dung chỉ tiêu	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Tài liệu đánh giá
1.1	Mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật	a) Các chỉ tiêu 3, 4, 5 và 6 thuộc Tiêu chí 2 “Tiếp cận thông tin, phổ biến giáo dục pháp luật” theo quy định của Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và Thông tư số 09/2021/TT-BTP đạt số điểm tối đa	Theo quy định tại chỉ tiêu 3, 4, 5 và 6 thuộc Tiêu chí 2 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BTP
		b) Huy động được nguồn lực hỗ trợ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật	Văn bản của tổ chức, cá nhân tài trợ, hỗ trợ (thông báo, công văn, hợp đồng, báo cáo, danh sách...) về việc tài trợ, hỗ trợ, đóng góp nguồn lực (kinh phí, nhân lực, cơ sở vật chất, các điều kiện khác) phục vụ triển khai phổ biến, giáo dục pháp luật.
		c) Trong 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đánh giá có tập thể hoặc cá nhân được cơ quan có thẩm quyền cấp huyện trở lên tặng Giấy khen hoặc Bằng khen hoặc hình thức khen thưởng khác vì có thành tích xuất sắc về triển khai các giải pháp, sáng kiến trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy khen, Bằng khen, Quyết định khen thưởng của cơ quan có thẩm quyền cấp huyện trở lên cho tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc về triển khai các giải pháp, sáng kiến trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. - Hồ sơ đề nghị khen thưởng (Quyết định công nhận giải pháp, sáng kiến hoặc báo cáo thành tích).

TT	Nội dung chỉ tiêu	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Tài liệu đánh giá
1.2	Mô hình điển hình về hòa giải ở cơ sở	a) Chỉ tiêu 2 thuộc Tiêu chí 3 “Hòa giải ở cơ sở, trợ giúp pháp lý” theo quy định tại Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và Thông tư số 09/2021/TT-BTP đạt số điểm tối đa	Theo quy định tại chỉ tiêu 2 thuộc Tiêu chí 3 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BTP.

		<p>b) Huy động đội ngũ luật sư, luật gia, Hội thẩm nhân dân, lực lượng Công an nhân dân, Bộ đội Biên phòng, báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, người đã từng là Thẩm phán, Kiểm sát viên, Điều tra viên, người đã hoặc đang công tác trong lĩnh vực pháp luật tham gia làm hòa giải viên ở cơ sở hoặc hỗ trợ cho công tác hòa giải ở cơ sở.</p>	<p>Hồ sơ, tài liệu (kế hoạch, giấy mời, danh sách, báo cáo, quyết định công nhận hòa giải viên...) thể hiện có sự tham gia của một trong những đối tượng là luật sư, luật gia, Hội thẩm nhân dân, lực lượng Công an nhân dân, Bộ đội Biên phòng, báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, người đã từng là Thẩm phán, Kiểm sát viên, Điều tra viên, người đã hoặc đang công tác trong lĩnh vực pháp luật làm hòa giải viên ở cơ sở hoặc hỗ trợ pháp lý, tư vấn cho tổ hòa giải để giải quyết vụ, việc hoặc tham gia tập huấn, bồi dưỡng cho hòa giải viên/tổ hòa giải...</p>
TT	Nội dung chỉ tiêu	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Tài liệu đánh giá
		<p>c) Trong 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đánh giá có tập thể hoặc cá nhân được cơ quan có thẩm quyền cấp huyện trở lên tặng Giấy khen hoặc Bằng khen</p>	<p>- Giấy khen, Bằng khen, Quyết định khen thưởng của cơ quan có thẩm quyền cấp huyện trở lên cho cơ quan, tổ chức, cá nhân vì có thành tích xuất sắc về triển khai các giải</p>

		hoặc hình thức khen thưởng khác vì có thành tích xuất sắc về triển khai các giải pháp, sáng kiến trong công tác hòa giải ở cơ sở	pháp, sáng kiến trong công tác hòa giải ở cơ sở. - Hồ sơ đề nghị khen thưởng (Quyết định công nhận giải pháp, sáng kiến hoặc báo cáo thành tích).
2	Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở được hòa giải thành (sau đây gọi là vụ việc, hòa giải thành) <i>Tỷ lệ % = (Tổng số vụ, việc hòa giải thành/Tổng số vụ, việc được thực hiện hòa giải) x 100</i>	≥ 90%	Theo quy định tại chỉ tiêu 1 (nội dung 2) thuộc Tiêu chí 3 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BTP.
3	Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu <i>Tỷ lệ % = (Tổng số người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý được trợ giúp pháp lý/Tổng số người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý có yêu cầu trợ giúp pháp lý) x 100</i>	≥ 90%	Số liệu về tổng số người thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý trên địa bàn xã có yêu cầu trợ giúp pháp lý và số liệu về tổng số người thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý trên địa bàn xã được trợ giúp pháp lý do Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tổng hợp và cung cấp.

II. Số liệu phục vụ đánh giá

1. Số liệu phục vụ đánh giá các nội dung tại điểm a tiêu mục 1.1, điểm a tiêu mục 1.2 và tiêu mục 2 Mục I Hướng dẫn này được tổng hợp từ kết quả đánh giá, công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và Thông tư số 09/2021/TT-BTP của năm trước liền kề năm xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

2. Số liệu phục vụ đánh giá các nội dung còn lại tại Mục I Hướng dẫn này (trừ các nội dung tại điểm c tiêu mục 1.1 và điểm c tiêu mục 1.2) được tổng hợp

từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

3. Đối với những nội dung tại tiêu mục 2, tiêu mục 3 Mục I Hướng dẫn này, nếu trong năm không phát sinh nhiệm vụ vì lý do khách quan được tính đạt 100%.

4. Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh An Giang tổ chức ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý, tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý thuộc phạm vi quản lý rà soát, tổng hợp thông tin về tổng số người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý được trợ giúp pháp lý, tổng số người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý có yêu cầu trợ giúp pháp lý trong năm; đồng thời là đầu mối tổng hợp thông tin nêu trên.

5. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm **tự rà soát** số người thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý trên địa bàn xã có yêu cầu trợ giúp pháp lý và **phối hợp với Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước** xác định tổng số người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý được trợ giúp pháp lý.

Tổng số người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý có yêu cầu trợ giúp pháp lý là **công dân cư trú trên địa bàn xã** để tính tỷ lệ % phục vụ việc đánh giá, công nhận xã nông thôn mới nâng cao.

IV. Hướng dẫn này thay thế cho Hướng dẫn số 1209/HD-STP ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Sở Tư pháp về phương pháp xác định, đánh giá mức độ đạt tiêu chí 16 (tiếp cận pháp luật) trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh An Giang giai đoạn 2021 - 2025./.

Nơi nhận:

- Cục PBGDPL - Bộ Tư pháp;
- Ủy ban nhân dân tỉnh (b/c);
- Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh;
- Giám đốc, Phó Giám đốc Sở Tư pháp;
- Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh;
- Phòng Tư pháp huyện, thị xã, thành phố;
- Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn;
- Công Thông tin điện tử Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, PBGDPL.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trịnh Tuấn Ngọc